

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HS-ST
Ngày: 12-6-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Thanh Long.
2. Ông Thái Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án; Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai gồm: Bị cáo, Thư ký, cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Khuong Vĩnh Đ, sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 152/43B, đường Đ, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khương A và bà Nguyễn Thị Bích L; Bị cáo có vợ là Hồ Bùi Ngọc H và 01 con sinh năm 2006; tiền sự: Không. Tiền án: Tại bản án số 93/2021/HSST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/7/2022.

Về nhân thân: Tại bản án số 115/2009/HSST ngày 12/11/2009, Tòa án nhân

dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Khương Vĩnh Đ 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/12/2013.

Tại bản án số 131/2017/HSPT ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Khương Vĩnh Đ 02 năm tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999. Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2018.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khương Vĩnh Đ là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 06/02/2023, Đ đi xe ô tô từ nhà tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai đến khu vực Cây Sung thuộc phường 14, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) mua 01 gói ma túy loại Heroin được bọc trong giấy bạc với giá 600.000 đồng. Sau đó, Đ mang về nhà lấy một ít ma túy ra sử dụng, số ma túy còn lại Đ để trên nền gạch trong phòng ngủ. Đến 16 giờ 30 phút ngày 07/02/2023, Đ bị Công an huyện N kiểm tra hành chính phát hiện, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy bạc, bên trong có chứa chất màu trắng (đã được niêm phong).

Tại Kết luận giám định số 235/KL-KTHS ngày 13/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,2882 gam, loại Heroin. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,2548 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai.

Tại bản cáo trạng số 129/CT.VKS-NT ngày 24/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Khương Vĩnh Đ về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Khương Vĩnh Đ tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu số 235/KL-KTHS ngày 13/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Khương Vĩnh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, không tranh luận đối với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Khương Vĩnh Đ đã khai nhận: Vào ngày 07/02/2023, tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Khương Vĩnh Đ đã có hành vi tàng trữ 0,2882 gam ma túy loại: Heroin để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo có tại hồ sơ cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập trong vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo đã từng bị xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, cải sửa bản thân lại tiếp tục tái phạm, tiếp tục phạm tội. Xét thấy, bị cáo coi thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy: toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu số 235/KL-KTHS ngày 13/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Vật chứng đang hiện giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng 25/5/2023.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Khương Vĩnh Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Khương Vĩnh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong

ký hiệu số 235/KL-KTHS ngày 13/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Vật chứng đang hiện giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng 25/5/2023.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Khương Vĩnh Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang